

Chiều Buồn Biên Giới

VI VÂN, K20/1

Mỗi lần nhìn hình ảnh bão lụt ở miền Nam Việt Nam, nhất là nơi gần biên giới với một vùng nước mênh mông trắng xóa, làm ngập chìm bao nhà cửa, ruộng vườn, gia súc lẫn cỏ cây hoa lá, lòng tôi chợt nghe chua xót, ngậm ngùi nhớ về nơi tôi có một trời kỷ niệm yêu dấu, một trời buồn thương chất ngất không bao giờ có thể lãng quên...



Tôi có một người dì bà con lấy chồng xa xứ nên chưa từng gặp mặt. Vào năm tôi 18 tuổi, dì bỗng xuất hiện với người con gái 21, tuổi tên Cẩm Hương đang theo học trường Sư Phạm tại Vĩnh Long. Tôi và chị Hương quen thân nhau nhanh chóng. Chị đã mời chúng tôi xuống quê chị chơi nếu có dịp và cơ hội đó đã đến với tôi vào cuối mùa hè năm ấy.

Nơi dì ở là một làng quê thuộc quận Tân Châu tỉnh Châu Đốc, gần sát biên giới Miên-Việt. Tôi được biết qua vài tình

miền Tây và Sài Gòn nhưng chưa bao giờ nhìn thấy những căn nhà như ở đây. Nhà cất trên nền sàn cao chừng hai mét, mỗi nhà đều có bậc thang đi lên giống như leo lên lầu. Ở miền rừng núi đồng bào Thượng cất nhà như thế để tránh hổ, báo, chó sói vào nhà, nhưng ở đây... chung quanh là sông nước, đồng ruộng, cây cối xanh tươi sao có chuyện lạ lùng như vậy? Tôi không khỏi tò mò, hiếu kỳ vội hỏi chị Hương:

- Chị ơi, sao người ta cất nhà cao như vậy? Chắc có cọp vào nhà ban đêm hả?

Chị Hương, vốn vui tính và tinh nghịch, mỉm cười bảo tôi:

- Em cứ ở lại chơi lâu lâu rồi sẽ biết. Bí mật mà, không cho em biết bây giờ đâu.

- Em được phép ở lại chơi một tháng, liệu bí mật đó có được giải đáp không?

Chị đưa mấy ngón tay tính toán lẩm bẩm rồi nói:

- Được chứ, khoảng ba tuần nữa em sẽ biết thôi.

Tôi cảm thấy sợ sệt, bất an vì chỗ này kỳ quái, đầy bí hiểm nhưng cố làm ra vẻ thản nhiên vì sợ bị chê là đùa nhát gan.

Dì tôi có bốn người con: anh Thiên Tường, chị Cẩm Hương, Thúy Hạnh, và Ngọc Lan - cô gái út mới 10 tuổi. Chồng dì mất đã 8 năm rồi. Anh Tường là con trai lớn và duy nhất nên được miễn dịch vì lý do gia cảnh. Anh lo về tài chánh cho gia đình, trang trải chi phí học hành cho hai chị Hương, Hạnh được gửi đi học xa nhà rất tốn kém. Khi nghỉ hè, họ mới được trở về nhà. Thật là gánh nặng cho người thanh niên mới 25 tuổi đời. Tôi lấy làm tiếc cho anh Tường, một thanh niên khỏe mạnh, tuấn tú, hoạt bát lại chôn cuộc đời nơi heo hút này. Những ngày ở đây tôi được anh hướng dẫn đi chơi nhiều lần và được nghe tâm sự của anh.

Anh đã học xong Tú Tài 2. Tuy được miễn dịch nhưng anh không xin làm việc ở các công sở vì lương không đủ trang trải cho gia đình. Anh theo bạn bè đi buôn, theo những chuyến

“hàng lậu” từ Campuchia vượt qua biên giới về Việt Nam. Hàng lậu có nghĩa là trốn đóng thuế, đi qua bằng đường rừng hay đồng ruộng tránh gặp Quan Thuế ở biên giới. Nếu hàng đi trót lọt sẽ có lời thật nhiều, nếu bị họ bắt gặp. Phạt nặng thì lỗ to, xem như một canh bạc.

Có lần Tường dẫn tôi đi chơi chung quanh trong làng. Buổi trưa vùng quê miền biên giới êm ả, có tiếng chim riu rít trên cành, tiếng lá xạc xào trở mình trong nắng, tiếng ru trẻ thơ hòa theo nhịp võng đưa kẽo kẹt nghe buồn man mác... Tôi không nhận thấy bóng dáng chiến tranh nơi đây dù đang trong thời kỳ loạn lạc. Bằng giọng trầm trầm anh kể cho tôi nghe về những chuyến đi buôn, có những lúc nguy hiểm trùng trùng, có những lần êm xuôi trót lọt... Nét mặt anh lộ vẻ đăm chiêu, nhiều suy tư. Tôi tuy có ái ngại cho anh nhưng tôi biết anh không còn sự lựa chọn khác. Anh nói:

- Vói hy vọng kiếm thêm ít tiền, anh sẽ ra tỉnh mở một tiệm chụp hình vì anh rất đam mê nghệ thuật hội họa. Anh chỉ cần đủ nuôi sống gia đình là được. Nhiều lúc anh cũng cảm thấy xấu hổ với bạn bè vì việc làm ăn của mình.

Nói xong anh hướng mắt nhìn ra xa xa trông thật buồn bã, đáng thương. Ngoài kia dòng sông đang cuộn cuộn chảy, âm vang rầm rầm rì rì. Dòng sông này chắc đã nhiều lần đưa đón anh qua, lại với những chuyến buôn âm thầm. Chợt đâu đây có giọng hát huyền hoặc, đầy ma lực của Lệ Thu từ máy hát nhà ai loáng thoáng bên tai:

*“Chiều buồn len lén tâm tư, mơ hồ nghe lá thu mưa.
Đạt dào tựa những âm xưa, thiết tha ngân lên lời xưa.*

...

Lòng cuồng điên vì nhớ. Ôi đâu người, đâu ân tình cũ?”

Tường đưa mắt nhìn tôi:

- Em có nghe bài hát đó không?

- Dạ có. Không ngờ ở nơi miền quê như vậy mà người ta cũng biết hưởng thụ quá nhỉ?

Tường cười:

- Tuy là vùng quê nhưng họ không nghèo đâu. Một đứa bé 12, 13 tuổi cũng kiếm được tiền dễ dàng. Chỉ cần nó ôm một bao cát thuốc lá thơm hay thuốc Tây qua được lằn ranh biên giới là kiếm khá tiền rồi.

- Thật vậy sao?

Anh gật đầu, anh đã đưa tôi từ ngục nhiên này đến ngục nhiên khác. Ở đây đầy bí hiểm, tôi bắt đầu thấy lạnh xương sống. Tường như đọc được ý nghĩ trong đầu tôi nên nói:

- Anh cũng là người đi “buôn lậu” như họ vậy. Em có sợ và khinh anh không?

Tôi an ủi anh:

- Không đâu, chính anh cũng biết việc làm ăn của mình không được tốt nhưng vì hoàn cảnh mà. Anh sẽ thực hiện được mong ước của mình sớm thôi. Hy vọng lần sau em đến thăm gia đình anh, anh là một ông chủ tiệm gì đó.

Anh dẫn tôi ra về, tôi để ý quan sát chung quanh. Người dân ở đây có vẻ sung túc, đầy đủ vật chất qua cách ăn mặc, qua nếp sống, qua những gương mặt bình thản, vô tư. Như anh Tường cho biết phần lớn họ cũng buôn bán như anh. Tôi thờ dài, không biết mình nên vui hay buồn. Đất nước chiến tranh, cuộc sống khó khăn... phải thông cảm cho họ thôi.

Chị Hường vừa ra trường, nhận Sự Vụ Lệnh đi dạy học ở Long Xuyên nên chị thu xếp lên đường sớm để tìm chỗ ăn, ở cho tương lai. Thúy Hạnh không hợp với tôi lắm nên ít chuyện trò với nhau. Bé Lan thì quá nhỏ nên ngoài dì ra tôi chỉ có anh Tường quan tâm và chăm sóc tôi.

Một hôm anh Tường dẫn về nhà một người lính trẻ tên Minh Hiền. Anh là bạn học ngày trước của anh Tường và gia đình anh cũng ở gần đây. Người thanh niên có dáng cao gầy, có đôi mắt sáng với mái tóc ngắn, gương mặt khô ngò dày dặn phong sương đã chiếm được cảm tình tôi ngay từ buổi đầu. Tôi không biết tôi thích Hiền vì anh là bạn của anh Tường

hay vì một lý do gì khác. Chỉ biết tôi có nhiều thiện cảm với Hiền.

Những ngày Minh Hiền lui tới nhà dì, tôi được biết về anh nhiều hơn. Hiền hiện là một trung úy thuộc Sư Đoàn 9 Bộ Binh đóng quân ở Sa Đéc, đang về phép thăm gia đình. Ba anh không còn, mẹ anh có mảnh vườn và tiệm tạp hóa nhỏ đủ nuôi hai cậu em trai của anh còn đi học. Hiền nói năng hòa nhã, lịch su, tế nhị, và nét phong trần của anh rất dễ lấy cảm tình của người đối diện. Tôi quen anh chưa lâu nhưng chúng tôi thấy như thân thiết với nhau tự thuở nào. Những ngày anh Tường theo đoàn buôn đi xa, có khi 2, 3 ngày mới về, Hiền thường đến chơi và dẫn tôi đi xem phong cảnh nơi quê hương anh. Có lần Hiền ngỡ ý dắt tôi đi “chợ trời biên giới”. Tôi rất muốn biết nơi đó ra sao, họ buôn bán, trao đổi hàng hóa thế nào nên sốt sắng nhận lời đi ngay.

Đến nơi tôi rất thất vọng vì nó không giống như những gì tôi từng nghĩ trong đầu. Đó chỉ là một khu chợ nhỏ, không rộng lớn, không tấp nập như những chợ của ta. Hàng hóa thì tầm thường như: dầu gió xanh, vải lãnh đen, vải sọc xà rong, và các thứ khác cũng là những loại hàng thường thấy ở các chợ của Việt Nam thôi. Đặc biệt giữa chợ là một hàng rào bằng cây, cao khoảng trên dưới một mét, có thể bước qua, lại được. Anh Hiền cho biết đó là lằn ranh biên giới, nửa chợ bên kia là của Campuchia, nửa chợ bên này của Việt Nam. Sự mua bán, đổi trao chỉ được diễn ra trong khu chợ thôi nếu bước sâu vào trong ranh giới sẽ bị đối phương bắt giữ ngay. Ôi! Tôi thật sự thất vọng vì tôi nghĩ rằng đường ranh biên giới phải là cái gì thật to lớn, thật kiên cố để ngăn ngừa ngoại bang xâm lấn lãnh thổ, giống như Vạn Lý Trường Thành của Trung Hoa mà tôi được thấy trong phim vậy.

Anh Hiền không đoán được ý nghĩ trong đầu tôi, có lẽ anh đã quen sống nơi đây từ bé nên không ngạc nhiên gì cả. Thấy tôi không mua sắm gì nên anh dẫn tôi về bằng con đường tắt trên ruộng. Mùa này lúa lên tươi tốt như giải lụa màu

xanh mênh mông, bát ngát. Mây trắng bồng bênh trôi về một phương xa nào, trên lưng chừng trời từng đàn chim đang luân vũ, tiếng gió ngàn rì rào thổi than cùng sông núi... Tôi như ngây như dại, mê man trước vẻ đẹp thiên nhiên đó. Qua khỏi khu ruộng Hiền đưa tôi sang con đường khác, một con đường đất bằng phẳng còn in dấu ngựa và xe hai bánh. Đến một tảng đá lớn anh dừng lại bảo tôi:

- Như ngồi xuống đó nghỉ mệt rồi hãy đi tiếp.

- Như không mệt đâu, nhưng ngồi đây chơi cũng được vì tất cả những gì nơi đây đều làm cho Như thích thú.

Anh Hiền chỉ mỉm cười không nói gì cả. Bỗng anh đưa tay chỉ về phía trước, nơi có con sông và chiếc cầu bắc ngang, anh nói:

- Em thấy cây cầu đó không? Tuy không sát biên giới nhưng lúc nhỏ mẹ anh thường căn dặn mỗi khi tụi anh đi chơi:

- “Các con đừng qua bên kia cây cầu đó nghe.

- Tại sao vậy mẹ?

- Tại vì bên kia là biên giới. Nếu các con qua khỏi cầu đó, đi sâu hơn một chút người Miên sẽ bắt tụi con, mẹ không tìm thấy được.”

Hiền mỉm cười nói tiếp:

- Kể từ đó bọn nhỏ tụi anh đã coi cây cầu đó như là đường ranh biên giới mặc dù nó vẫn còn nằm trên lãnh thổ của Việt Nam mình.

- Thật sao? Đến nơi đây Như thấy thật nhiều thú vị.

Sau đó cả hai chúng tôi ngồi yên lặng thật lâu. Hiền nhìn về phía chiếc cầu như đang suy tư, hồi tưởng điều gì trong quá khứ. Anh bỗng cao hứng cất giọng hát nhỏ nhỏ:

“Ngồi đây soi bóng bên dòng nước lũ. Cầu cao nghiêng dốc bên dòng sông sâu.

Sầu vương theo sóng xuôi về cuối trời. Một vùng đau thương chốn làng cũ quê xưa.

*Em đến thăm tôi một chiều khi nắng phai rồi. Nắng ngừng bên chiếc cầu biên giới... ”***

Tôi lặng nhìn Hiền. Đến khi anh dứt bài hát, tôi tò mò:

- Anh Hiền có tâm sự à? Có phải ai đó đã hát bài này cho anh nghe rồi không?

Anh gật đầu:

- Như đoán đúng. Bài ca này cô ấy từng hát cho anh nghe nhưng nay thì...

- Bây giờ cô ấy ở đâu?

Anh nhìn tôi lắc đầu:

- Thôi, đừng nhắc nữa.

Tôi càng hiếu kỳ muốn biết về mối tình trước kia của anh nên tỏ vẻ giận:

- Anh đã nói thì phải nói cho hết. Cô ấy ra sao?

Hiền nhìn tôi, ngập ngừng giây lát rồi nhỏ giọng:

- Cô ấy theo một người con trai khác vào mặt khu rồi. Đúng lúc đó anh cũng nhập ngũ, hai hướng đời, hai lối đi. Cuộc đời lính chiến của anh nhiều nguy hiểm, phong sương dày dạn, ngược xuôi khắp nơi. Thịnh thoảng có chút băng khuâng, hoài niệm thoảng qua hồn, nhưng giờ anh không còn luyện lưu gì cô ấy nữa.

Tôi nhìn Hiền ái ngại, không ngờ anh có một mối tình buồn như vậy. Bất giác tôi nắm lấy tay Hiền như muốn truyền sự thông cảm chân thành của tôi cho anh:

- Thôi hãy quên đi anh ạ! Anh sẽ gặp một người con gái khác chung thủy và thương yêu anh hơn nàng ấy.

Hiền cười buồn:

- Anh cũng hy vọng như vậy.

Chúng tôi tiếp tục đường về, cảnh vật chung quanh tôi không còn nên thơ đẹp đẽ nữa. Tôi nghĩ đến mối tình éo le của Hiền mà thương xót cho anh, cầu mong anh được vui vẻ trong

những ngày sắp tới.

Hôm đó khi tôi trở về thì anh Tường cũng vừa về nhà sau hai ngày vắng bóng. Tôi ngạc nhiên khi anh trao cho tôi một gói quà và bảo:

- Anh tặng cho Như, nhưng đừng nói cho mẹ anh biết nhé!

- Anh giấu đi tặng cho em sao? Thôi em không nhận đâu.

Tường nhăn nhó phân trần:

- Không phải mẹ anh ích kỷ, nhỏ nhặt gì nhưng anh không muốn mẹ tò mò...

- Tò mò việc gì? Anh chưa từng mua quà cho người trong gia đình à?

- Chuyện này anh sẽ nói cho em nghe sau. Em mở ra xem coi có thích không?

Tôi nghe lời anh mở gói quà. Trong đó có bốn xấp vải lụa bông của Pháp loại vải đắt tiền và đang thịnh hành ở Việt Nam, một chai nước hoa Chanel #5, và hai cây son môi L'Oréal màu hồng. (Vào thời này tại Campuchia hàng hóa của Pháp rẻ hơn bên Việt Nam.)

Anh chọn quà đúng tâm lý một cô gái mới lớn nên tôi rất cảm động và rối rít cảm ơn anh. Tôi nhìn Tường, mặt anh lộ vẻ vui mừng hơn cả tôi.

Sau bữa cơm tối Tường rủ tôi đi dạo cùng anh. Hai đứa lang thang trên con đường nhỏ dọc bờ sông, thật lâu sau chúng tôi tìm được một băng ghế gỗ dưới tàng cây nên cùng ngồi xuống đó. Tường bồng cởi áo khoác của anh khoác lên vai tôi. Trời sắp sửa vào Thu, cơn gió đêm mang chút se se lạnh từ bên kia biên giới đưa về. Trăng hạ tuần đã lên tự lúc nào ở cuối chân trời, ánh sáng nhạt nhòa, bằng bạc mong manh không đủ soi rõ gương mặt Tường lúc đó nhưng tôi đoán chắc anh đang căng thẳng vì giọng nói run run:

- Như à, anh tặng quà cho em không phải vì... Như là em gái của anh mà anh nghĩ mình tặng quà cho... bạn gái.

- Ô, cái anh này. Anh nói gì vậy? Chúng ta là bà con mà.

- Bà con xa lắm, mẹ em và mẹ anh chỉ là bạn bè thôi. Tại sao anh và em không thể yêu nhau chứ? Tuyệt Như, hôm nay anh phải lấy hết can đảm mới dám nói với em là “anh yêu em”. Anh đã thấy mến em ngay khi vừa gặp mặt. Anh không thể im lặng để nhìn em yêu người khác.

Tôi nghe như sét đánh ngang tai. Anh nói gì? Anh yêu tôi sao? Trời ơi! Không thể nào như thế.

Tôi cố lấy bình tĩnh vì tôi biết lòng Tường đang rối loạn:

- Anh Tường, hãy nghe em nói. Thật sự chúng ta chỉ là họ hàng rất xa. Đứng ra nếu chúng ta yêu nhau cũng không có tội. Nhưng việc này đến quá bất ngờ với Như nên anh cho em suy nghĩ lại, xét lại lòng mình rồi mới trả lời anh nhé!

- Ô, anh chờ câu trả lời của em.

Tôi không dám ngồi lâu hơn nơi này nên đứng lên:

- Thôi mình về đi anh.

Tôi ngược nhìn lên, vầng trăng đã ở giữa đỉnh trời, đêm xuống lâu rồi, cả khung trời mờ mịt mù sương, gió biên thùy chợt làm tâm tư tôi buốt giá. Những lời nói của Tường như từng tiếng đàn gõ nhịp trong tim tôi, tôi không biết được cảm giác của mình lúc đó ra sao.

Đêm ấy tôi không thể nào ngủ được. Hình ảnh chiếc cầu lẻ loi nằm gần biên giới với dòng nước mênh mang chảy, với mây trời thênh thang, với không gian bát ngát. Hình ảnh tôi và Minh Hiền đi bên nhau trên cánh đồng xanh biếc, đôi mắt u ả buồn cùng giọng ca nồng ấm của anh. Rồi hình ảnh của Thiên Tường lại lồng lộng hiện ra với gương mặt thanh tú, với nụ cười ngọt ngào, triu mến... Tất cả quay cuồng, hỗn loạn, không thứ tự cứ hiện ra trong đầu tôi làm tôi lên cơn sốt. Tôi mê man, chập chòn vào giấc ngủ.

Khi có tiếng gọi của dì và Tường tôi mới mở mắt ra nhưng không thể ngồi dậy nổi, tôi thật sự ngã bệnh rồi. Tường lo lắng, cuống quýt, anh hỏi han tôi đủ điều nhưng tôi nghĩ tôi chỉ bị

cảm lạnh thôi. Dì tôi bảo:

- Tại thằng Tường tôi qua dẫn con ra ngoài chơi về muộn nên con bị “trúng gió” rồi. Để đi đi kiếm lá cây nấu “nước xông” cho con nghe.

- Dạ thôi dì à, con không sao đâu.

Mặc dù tôi ngăn cản nhưng dì cứ bỏ đi. Còn lại Tường, anh ngồi xuống bên tôi ái ngại nói:

- Tại anh nên em bệnh phải không? Anh xin lỗi, anh sẽ đền cho em.

Tường bước ra ngoài, một lúc sau anh trở vào với thau nước ấm và khăn. Anh kéo tôi ngồi dậy và lau mặt mũi cho tôi rồi anh biến mất. Thật lâu sau anh lại trở vào với một mâm gồm cháo, nước cam vắt, và mấy viên thuốc. Tường bảo:

- Ở đây xa bác sĩ nên anh phải tự chăm sóc mình và người nhà mỗi khi bị bệnh. Em phải tin anh, anh sẽ chữa hết bệnh cho em.

Tường bắt tôi ăn cháo, uống thuốc, và nước cam rồi ép tôi nằm nghỉ. Anh ngồi bên giường nhìn tôi, nét mặt bình thản như chưa từng xảy ra chuyện gì. Sự chăm sóc tận tình của Tường làm tôi cảm động và suy nghĩ miên man. Tôi phải làm sao đây? Mới gặp được Hiền, chút cảm tình vừa nhen nhúm, tôi nghĩ mình sẽ có dịp tiến xa hơn với anh ta, nhưng Hiền chưa nói gì cả. Trái lại Tường đã thổ lộ tình cảm với tôi rồi, tôi không biết tính sao!

Bệnh của tôi kéo dài suốt ba hôm. Ba hôm liền Tường túc trực chăm sóc tôi khiến dì tôi cũng bắt đầu chú ý. Đang lúc tôi bối rối thì Hiền xuất hiện và mời tôi sang nhà anh dùng cơm với mẹ anh. Tôi nhận lời ngay vì tôi nghĩ đây cũng là dịp để tôi cân nhắc, quyết định dứt khoát những gì đã dày vò tôi suốt mấy ngày qua. Vừa khi đó Tường lại phải theo đoàn buôn ra đi nữa, thật tội nghiệp cho anh! Tôi nghe lòng xót xa thương cảm cho người con trai còn rất trẻ mà gánh gia đình oằn nặng đôi vai.

Hiền đến đón tôi và đưa về nhà anh không xa lắm. Đó cũng là một căn nhà sàn như bao nhiêu nhà khác. Nhà tuy không sang trọng nhưng sạch sẽ, ngăn nắp. Đặc biệt là mẹ của Hiền rất dễ mến, từ tốn, dịu dàng khác hẳn những người đàn bà ở đây. Nghe nói ngày xưa bà cũng xuất thân từ gia đình có học vấn. Mẹ Hiền vốn vã với tôi:

- Bác nghe Hiền nói mới quen cháu, cháu xuống thăm bà con ở đây phải không? Nhìn cháu thật đúng như lời Hiền nhận xét: cháu nhu mì, dễ thương lại xinh đẹp nữa.

- Bác khen làm cháu xấu hổ. Anh Hiền đã quá lời rồi đó bác.

- Thôi mời cháu vào bàn ăn cơm với gia đình bác đi, đừng khách sáo nghe.

Hôm ấy ăn ở nhà Hiền tôi mới biết thêm những loại rau lạ mà dân ở đây thường ăn chung với bánh xèo như lá điều chua, lá xoài non, lá bằng lăng non...v à đặc biệt là món “gỏi lá Sầu Châu“, gỏi trộn với cá lóc nướng, và khô cá lóc xé nhỏ, ăn cùng nước mắm me. Món này mới ăn vào thì đắng nhưng khi ăn quen sẽ ghiền vì hương vị đặc biệt của nó.

Từ giã mẹ Hiền ra về tôi rất cảm kích sự hiếu khách của bà. Hiền càng tỏ vẻ thân thiết, quý mến tôi hơn. Khi đưa tôi về Hiền nói:

- Anh sắp trở lại đơn vị rồi. Tuyệt Như có thể cho anh địa chỉ để viết thư thăm Như không? Anh thật sự muốn kết bạn với Như, mong rằng tình cảm chúng ta sẽ sâu đậm hơn sau này.

Tôi nhìn Hiền:

- Thì chúng ta đã là bạn rồi mà, đâu cần nói gì nữa. Như sẽ rất vui để chờ đọc thư anh.

Tôi cho anh địa chỉ nhà tôi. Anh tỏ vẻ lưu luyến không nỡ rời chân nhưng rồi cuối cùng chúng tôi vẫn phải chia tay. Nhìn theo bóng anh cô đơn trên con đường đất nhỏ, khuất dần sau rặng cây xanh tôi chợt nghe lòng bồi hồi xúc động. Người

lính ấy chỉ có sa trường và máu lửa thôi. Còn niềm vui nào nữa không anh? Anh đã đem cả tuổi thanh xuân hiến dâng cho đất nước mà chưa được đền bù gì cả, ngoài mỗi tình buồn làm hành trang nơi trận tuyến.

Sáng hôm sau khi tôi thức dậy một cảnh tượng khiến tôi kinh hoàng ngỡ mình đang trong giấc chiêm bao. Một vùng nước trắng xóa mênh mông ngập tràn cả thôn xóm. Thì ra đây là “bí mật” mà chị Hường nói khi tôi mới đến. Mực nước dâng cao lên sát mí nhà sàn của dì tôi, các nhà chung quanh đều như thế. Dì tôi bảo đây là chuyện mà hàng năm dân chúng vùng này phải chịu đựng, nhưng khi mực nước rút xuống thì tất cả trở lại bình thường tuy có những thiệt hại không đáng kể.

Mùa này tôm, cá từ Biển Hồ trên Nam Vang theo dòng nước lũ đổ về đây sông nên đó cũng là niềm an ủi cho họ. Nhà nào cũng tìm mọi cách bắt cá, tôm làm mắm hoặc khô, để dành thức ăn cho những ngày tháng tới. Đưa con gái nhỏ của dì tôi ra ngồi ngay trước cửa nhà buông câu xuống cũng bắt được mấy con cá Leo thật to. Những bữa ăn lúc đó toàn là tôm: tôm nướng, tôm kho, gỏi tôm, tôm luộc. Còn cá thì có cá nướng, cá hấp, cá chiên, cá nấu canh chua rau muống, nấu canh chua hoa súng... Riêng tôi từ kinh sợ, ngạc nhiên rồi trở nên thích thú với những gì xảy ra nơi đây.

Hai ngày sau anh Tường về nhà, anh lại đưa cho dì một số tiền lớn. Tuy nhiên tôi không thấy dì vui vẻ, trái lại dì có vẻ buồn, lo lắng và như có cái gì làm dì ray rứt. Tôi hiểu nỗi lòng của người mẹ khi con mình dần thân vào nguy hiểm để lo gia đình.

Gặp lại Tường tôi phân vân khó xử vì phải trả lời về sự quyết định của mình. Tôi cố tránh mặt Tường nhưng anh đâu dễ tha cho tôi. Buổi tối nhân lúc mọi người không để ý anh nắm tay tôi hỏi:

- Em đã suy nghĩ kỹ chưa? Trả lời anh đi, anh nôn nóng lắm rồi.

Thật khó xử cho tôi, tôi gỡ tay anh ra và nói:

- Anh cho em chút thời gian đi. Em muốn suy nghĩ thật chính chắn rồi mới trả lời anh. Dù sao anh vẫn là người em mến thương nhất.

Tường thở dài buồn bã:

- Em sắp về nhà rồi anh không sốt ruột sao được. Biết đâu khi em về thành phố vui vẻ, có nhiều bạn bè nên chẳng còn nhớ gì tới anh.

- Không đâu, em đã lớn, biết phân biệt mọi việc tốt xấu chớ không phải là trẻ con nữa. Em hứa sẽ trả lời anh sớm.

Hai hôm sau đến kỳ hạn tôi phải trở về. Mực nước sông vẫn chưa rút xuống, đi tôi ngỡ ý muốn tôi ở chơi thêm. Nhưng tôi bỗng thấy nhớ nhà, tôi muốn rời nơi đây sớm để tâm trí được bình tĩnh, để suy xét, để có thời gian phán đoán tình cảm của mình. Tường đưa tôi ra tận tỉnh Châu Đốc bằng tàu “tắc ráng” với nhiều quà cáp. Tôi biết quà của dì chỉ có một ít, còn quà dành cho tôi thì rất nhiều, phần lớn là những món quà anh mua bên Nam Vang cho tôi. Với nhạy cảm của người con gái tôi biết anh đã yêu tôi sâu đậm. Điều này làm cho tôi càng khó xử thêm. Tại bến xe Tường quyến luyến không thể dời chân, tôi cũng bùi ngùi không muốn xa anh, thật là “người tiễn biệt không đành tiễn biệt, kẻ ra đi không nỡ ra đi”. Bỗng nhiên Tường ôm chầm lấy tôi và đặt vội một cái hôn lên má tôi, tôi cúi đầu bước nhanh lên xe không dám nhìn anh. Xe từ từ chuyển bánh, tôi quay lại thấy anh vẫn đứng đó, dáng cô đơn thật buồn...

Tôi trở về nhà tiếp tục cuộc sống bình thường nhưng tâm tư không còn bình thường nữa, nhiều xáo trộn, nhiều suy tư, nhiều thương nhớ. Hình bóng hai chàng trai tôi quen biết trong chuyến nghỉ hè vừa qua luôn ám ảnh tôi trong từng giấc ngủ. Tôi nhận liên tiếp những lá thư của hai anh. Thư Minh Hiền thì ấm áp, ngọt ngào, thiết tha, ân cần mong đợi. Thư Thiên Tường lại dạt dào thương nhớ, ray rứt xót xa, nồng nàn tình cảm. Tôi chưa hiểu được lòng mình, chưa dám quyết định thế nào. Thư của Tường đến với tôi hằng tuần, còn Hiền thì cả tháng mới có một lá và anh cũng không viết nhiều như Tường.

Thật sự Hiền chưa nói gì với tôi cả, chúng tôi vẫn chỉ là bạn mà thôi.

Mỗi khi đọc thư Hiền tôi thấy vui vui vì những câu chuyện anh kể, thư anh loáng thoáng chút tình cảm vu vơ, chút hy vọng... Còn thư Tường làm tôi rơi nước mắt mỗi lần đọc. Ngoài những nhớ nhung Tường dành cho tôi còn những câu chuyện hiểm nguy thâm lắng mà anh phải đương đầu, sự cô đơn buồn bã không người chia sẻ. Những lúc không nhận được thư của Hiền tôi băng khuâng, lo lắng nhưng không nhận được thư Tường tôi nôn nóng, sốt ruột ngồi đứng không yên. Tôi biết tình cảm của mình đã nghiêng về Thiên Tường rồi. Trong giấc ngủ của tôi tràn đầy hình bóng anh với nỗi nhớ nhung da diết. Những lời nói, cử chỉ, ánh mắt, nụ cười cùng sự chăm sóc ân cần của anh đã giữ chặt được trái tim cô con gái nhỏ, đã làm cô ngã gục trước tình yêu đầu đời. Cứ như thế tôi phải chịu đựng suốt một năm dài, âm thầm một mình không thể than thở cùng ai. Rồi bỗng nhiên tin tức về Tường vắng bật gần ba tháng, tôi viết thư cho di cũng không thấy hồi âm. Không thể chờ đợi lâu hơn nữa, tôi lấy vé xe đi ngay xuống nhà di để mong được gặp Tường.

Khi đến nhà di, vừa bước lên sàn nhà điều tôi nhìn thấy trước tiên là bức ảnh của Tường được họa lớn đặt trên bàn thờ giữa nhà. Tôi kinh hoàng, cảm thấy như trời đang sập xuống, đầu óc tôi hoảng loạn, tim nghẹt thở. Tôi chỉ kịp kêu hai tiếng “trời ơi” rồi quy xuống trên tay di.

Khi tôi gượng dậy được liền hỏi di:

- Di ơi, sao anh Tường chết vậy? Con không thể nào tin đây là sự thật. Người như anh ấy sao trời nỡ đành cướp đi mạng sống lúc tuổi còn quá trẻ.

Di diu tôi ngồi xuống ghé rồi lấy mấy nhang châm lửa đưa cho tôi và bảo:

- Con đốt nhang cho nó đi. Nói với nó vài lời vì nó thương con lắm, lúc nào cũng nhắc đến con. Di là mẹ thì làm sao không hiểu con mình. Di định sẽ bàn chuyện đó với mẹ con, nhưng bây giờ đã muộn rồi.

Dì nói xong đưa khăn lau nước mắt, nước mắt của người mẹ đau khổ trong cảnh “tre già khóc măng non”. Tôi nghe cay xé tâm can, xót xa đau đớn như ai cắt từng đoạn ruột. Tôi hụt hẫng, chới với trước sự thật náo lòng này. Tường ơi, tại sao anh không chờ em? Tại sao anh lừa dối em? Anh hứa sẽ thương yêu và lo lắng cho em suốt đời mà!

Tôi như ngây như dại ngồi lắng nghe dì kể lại sự việc đã xảy ra cho Tường:

“Ngày hôm đó mấy người bạn thường đi buôn chung với Tường đến nhà bảo rằng có đường dây làm ăn tận bên Nam Vang tốt và đáng tin cậy lắm. Nếu chuyến hàng này thành công thì sẽ kiếm lời thật nhiều. Tường nói với dì:

- Con đi buôn chuyến này là lần cuối vì con đã dành dụm đủ tiền để mở tiệm chụp hình như ý nguyện. Sau đó, con sẽ... cưới vợ và lo phụng dưỡng mẹ.

- Có nguy hiểm không con?

- Thật ra hàng hóa của tụi con buôn cũng là hàng hóa thường xài, chỉ có trốn thuế thôi chứ không phải hàng quốc cấm đâu mẹ. Các hàng này là nước hoa, thuốc lá và một số thuốc Tây thông dụng từ Thái Lan về. Con sẽ không sao đâu.

Rồi sau đó mấy ngày liền dì không thấy Tường về. Dì chạy đi dò hỏi khắp nơi, đến gia đình của mấy người bạn nó, nhưng không ai có tin tức gì. Đến ngày thứ năm thì hai đứa trong bọn nó trở về mặt mũi hốc hác tiêu tụy như trở về từ ngục tù. Chúng cho biết rằng chúng phải qua biên giới để nhận hàng, trên đường về bị Cảnh Sát của Campuchia bắt gặp, rượt đuổi theo. Tụi nó sợ bỏ chạy nên họ đã nổ súng vào chúng. Khi hai đứa kia được an toàn thì thất lạc hết ba đứa, chúng chờ nghe ngóng tin tức hết mấy ngày không có nên nghĩ rằng tụi kia đã chết rồi mới quay về nhà báo tin. Dì và cha mẹ hai đứa kia đành xây mấy ngôi mộ giả gần biên giới cho chúng và thường đến đó cúng kiến, viếng thăm.“

Câu chuyện về cái chết của Tường do dì kể là như thế. Vừa

nghe xong tôi bỗng có ý nghĩ là Tường chưa chết, có thể anh bị thương đang điều dưỡng hoặc bị Cảnh Sát Campuchia bắt hay đang trốn tránh, ẩn náu đâu đó để chờ ngày tìm đường về nhà.

Buổi chiều đi dẫn tôi ra nơi có ngôi mộ đất nằm hiu quạnh trên cánh đồng gần biên giới. Một tấm bia bằng gỗ đơn sơ với tên Lê Thiên Tường mất tháng... năm... không có ngày vì đi tôi không biết anh mất ngày nào. Dù không chắc chắn Tường đã chết nhưng tôi không khỏi đau lòng xót xa rơi lệ. Kỷ niệm về anh còn sâu đậm trong tôi, từng lời nói, từng cử chỉ âu yếm yêu thương như hiện ra lồng lộng. Tôi nhìn vào ngôi mộ già thì thầm với anh:

- Tường ơi, nếu còn sống sót anh hãy trở về, em đang chờ đợi anh, đang nhớ thương anh từng giây từng phút. Nếu như



Sông nước miền Tây.

anh chết rồi thì hãy báo mộng cho em biết, đừng dẫn vật em trong hoang mang đau khổ thế này. Đến giờ này em mới thật sự hiểu được lòng mình, mới biết chắc rằng em đã yêu anh, nhưng anh nào nghe thấy.

Tôi ngồi lặng yên rất lâu ở đó, không tin là Tường đã ra đi vĩnh viễn. Biên cương chiều nay khói sương mờ mịt buồn tênh, trời đất lên cơn sầu như khóc tiễn đưa ai. Những cánh

hải âu la đà trên sóng nước cất tiếng kêu lạc loài, buồn bã như còn nuôi tiếc khoảng trời cao rộng của trùng dương. Tôi nghe mơ hồ, loáng thoáng, bàng bạc đâu đây có tiếng ai thổn thức. Không dần được xúc động tôi cất tiếng gọi lớn:

- Anh Tường ơi! Hãy về nhà đi, em đang chờ anh, em đang nhớ anh mà.

Tiếng kêu của tôi như tiếng gió bay vào sa mạc, không vọng về một chút dư âm. Bên kia bờ sông là biên giới, đi qua bên đó là một đất nước mà tôi không quen, nhưng sao nữ ôm giữ thân xác Tường không trả anh về cho tôi? Tự nhiên tôi thấy căm giận người Miên, hận kẻ đã lấy mạng sống của Tường và... tôi cúi đầu ôm mặt khóc. Tôi khóc cho anh, hay khóc cho tôi? Hay khóc cho một mối tình chưa hò hẹn mà đã ly tan? Tôi nào nề, thất thủ theo chân đi ra về, lòng trĩu nặng sầu thương.

Mỗi buổi hoàng hôn, tôi đều nhờ dì dắt tôi ra thăm mộ Tường. Dì ngăn cản:

- Sao con cứ muốn đi vào buổi chiều vậy? Nguy hiểm lắm vì đường sá vắng vẻ, không biết chuyện gì sẽ xảy ra.

- Vì con hy vọng sẽ gặp được anh Tường dù là ảo ảnh hay hồn ma bóng quế. Buổi chiều có nhiều hy vọng hơn dì ạ!

Dì lắc đầu:

- Con ơi, ở đó chỉ là nấm mộ tượng trưng thôi, thân xác nó không biết bây giờ ở đâu. Nếu nó linh thiêng dù con ở nhà nó vẫn cho con gặp.

Mặc cho dì khuyên thế nào tôi vẫn một mình đi thăm Tường mỗi khi trời vừa nhạt nắng. Nhưng rồi tôi không thể lưu lại nhà dì lâu hơn được. Buổi chiều cuối cùng tôi đến từ già anh với tâm tư rạn nứt khổ đau. Không nén được nỗi sầu thương, tôi đã khóc và kể lể tâm sự với anh rất nhiều. Tôi cứ ngồi đó mặc cho bóng chiều nhạt nhòa cảnh vật, tôi không còn biết sợ sệt, tôi miên man nghĩ về Tường. Bỗng đâu có một bàn tay dài từ phía sau đưa tới... chậm chậm bóp xuống vai tôi... làm tôi

giật mình kinh hãi gần ngất xỉu. Khi tôi định thần nhìn lại thì nhận ra là Minh Hiền, tôi vừa mừng vừa giận:

- Trời ơi, tại sao anh không lên tiếng trước? Anh dọa chết em rồi đó.

- Thấy em nhập tâm suy nghĩ quá nên anh không dám gây tiếng động.

Tôi nhìn Hiền:

- Anh về hồi nào? Đi phép hay công tác ngang đây?

- Anh nghe tin Tường mất nên xin phép về thăm nó. Anh nghĩ cũng có thể gặp được em vì thế nào em cũng xuống đây. Anh biết chuyện của Tường vì hắn đã thổ lộ với anh hết rồi.

- Thật sao anh?

Hiền khẽ gật đầu. Bây giờ tôi mới hiểu tại sao Hiền lại giữ khoảng cách với tôi mặc dù ngay từ buổi đầu gặp mặt chúng tôi đã có nhiều thiện cảm cho nhau.

Tôi nhìn Hiền thăm cảm phục, anh thật cao cả. Hiền diu tôi đứng lên:

- Thôi mình về đi em. Trời tối rồi không nên ở đây lâu.

- Dạ, mình về.

Gió bỗng thổi lên lồng lộng, tiếng chim kêu “cú cú cú” trên cây nghe sao rờn rợn não nùng. Âm vang tiếng sóng đưa về từ bờ sông như hờn như oán, như mang nỗi niềm u uất chưa tan của một linh hồn lạc loài, cô đơn bất hạnh. Vàng trắng cũng vừa nhô lên ở cuối chân trời, trăng hạ tuần mờ nhạt như đêm nào hai đứa ngồi bên nhau tâm sự. Giờ đây, tôi đang chết cả tâm hồn còn anh về một phương nào? Tường ơi, Tường ơi!

Bên tai tôi Minh Hiền nói rất nhiều, nói miên man gì đó tôi không nghe hết, tôi chỉ nghe được câu cuối:

- Anh sẽ chờ em, Như ạ! Chờ đến khi em quên hết chuyện đã qua.

Tôi không trả lời anh nhưng thầm nghĩ:

- Chắc anh sẽ chờ lâu lắm, Hiền ơi! Chờ đến khi nào em

quên được buổi chiều nay, một buổi chiều buồn nhất trong đời em.

Hiền kéo tay tôi đi nhanh giữa khi màn đêm bao phủ. Đầu óc tôi bỗng đau nhức, tôi lên cơn sốt và cảm thấy lâng lâng, mơ màng... Hình như có tiếng nhạc từ đâu văng vẳng:

*“Chờ nhau hoài cố nhân ơi.
Sương buồn che kín nguồn đời.
Hẹn nhau một kiếp xa xôi.
Nhớ nhau muôn đời mà thôi...”*

Trước mắt tôi hình ảnh của Tường đang chập chờn, nghiêng ngả, mờ mờ ảo ảo không rõ rệt. Tôi thấy mình như đang bay lơ lửng giữa ngàn mây. Tôi trôi bồng bềnh, thênh thang... bay mãi vì không có lối quay về.

Cali mùa hè 2019.

** Hoài Cảm - Cung Tiến.*

*** Bên Cầu Biên Giới - Phạm Duy.*



Hồi Ký:

Quân Trường Võ Bị Quốc Gia Thân Yêu Không Còn Nữa!

Trần Xuân Hiện, Văn Hóa Vụ.

Đứng trong hàng ngũ dự lễ tốt nghiệp của các Khóa 28 và 29 SVSQ, tôi cảm thấy đau lòng khi hiểu rõ tình hình đất nước đang bi đát diễn ra từng ngày. Vùng 1 đã mất vào tay Cộng Sản. Chúng ta đã bỏ những tỉnh cao nguyên của Vùng 2. Quân đội VNCH và dân chúng chạy loạn đang co dần về phía Nam. Tin xấu càng ngày càng nhiều. Không biết những ngày kế tiếp ra sao?

Ngược lại với tình hình chiến sự bi đát đang xảy ra, hàng ngũ của Trung Đoàn SVSQ, trên thao trường trong ngày mãn khóa, vẫn chỉnh tề và không kém oai phong như trước đây. Tôi có cảm giác những SVSQ sắp mãn khóa như đoàn quân Kamikaze của Nhật vào những giờ phút sau cùng của Chiến Tranh Thế Giới Thứ 2, được tung ra mặt trận trong nỗi tuyệt vọng cuối cùng của Đế Chế Nhật Bản. Trong giờ phút tang thương hấp hối từng ngày, từng giờ, những tân thiếu úy sẵn sàng nhận lãnh nhiệm vụ. Ai mà không cảm động, thương tâm trước tình cảnh này? Chẳng bao lâu, có lẽ họ sẽ không còn gì cả. Quân trường thân yêu, bộ lễ phục đẹp đẽ của thời sinh viên sĩ quan sẽ để đặng sau. Có lẽ họ cũng không còn chính họ.

Tôi cũng không khỏi liên tưởng đến hình ảnh của Đại Chiến

Thứ Hai, khi quân đội Đồng Minh tấn công vũ bão vào thành phố Berlin, các lực lượng quân đội cố thủ đã được lệnh từ cấp chỉ huy rất cao là bảo vệ từng tấc đất!

Đầu năm 75, để nâng đỡ tinh thần quân đội, Bộ Quốc Phòng đặc cách thăng thưởng một số sĩ quan trong đó có các sĩ quan của trường Võ Bị. Sau buổi lễ chào cờ cuối cùng ở căn cứ Long Thành, một vị trung tá đọc nhật lệnh danh sách các sĩ quan được thăng cấp. Chỉ có thế, buổi lễ đã không được tổ chức long trọng hơn!

Đúng như tôi đã tiên đoán, con đường Vũng Tàu-Saigon bị cắt đứt sau ít ngày. Chẳng bao lâu, Saigon cũng mất.

Hiệp định Paris được chính thức ký kết gồm nhiều điều khoản bất lợi cho chính phủ Việt Nam Cộng Hòa. Tổng thống Nixon sau khi thành công trong kế hoạch chia rẽ Nga Sô và Trung Cộng và giành được ảnh hưởng của khối Á Rập Trung Đông, ông bắt đầu giải quyết chiến tranh VN. Ông là một người chống Cộng triệt để và binh vực cuộc tranh đấu của VNCH, nhưng trước sự đòi hỏi của dân chúng Hoa kỳ phải giải quyết hoà bình gấp và áp lực của Quốc Hội Hoa Kỳ, ông buộc lòng phải ký kết Hiệp Định Paris vào ngày 27/1/73 với những điều khoản bất lợi cho VNCH.

Trong hội nghị hòa đàm Paris một số điều khoản được thông qua dễ dàng, trừ hai điều quan trọng mà cả hai phe bàn cãi dằng dặc trong bốn năm hòa đàm là:

1. Giải tán chính phủ Nguyễn Văn Thiệu để thành lập chính phủ gồm ba thành phần.

2. Quân đội Hoa Kỳ phải đơn phương rút lui.

Trong thời gian hòa đàm Hoa Kỳ đã tổn thất thêm 25.000 quân. Cuối cùng 2 phe đi đến thỏa thuận:

(1) Chính phủ Nguyễn Văn Thiệu vẫn cầm quyền, và sẽ có một cuộc bầu cử gồm ba phe tham dự.

(2) Quân đội ngoại quốc rút ra khỏi miền Nam. (Quân đội

Cộng Sản không phải là ngoại quốc vẫn được quyền ở trên lãnh thổ miền Nam.)

Những điều khoản bất lợi này không được chính phủ VNCH chấp nhận. Chính phủ Nixon ở vào cái thế không đứng được, phải ông Kissinger sang thuyết phục TT Thiệu. Ông Thiệu không chịu, khiến Kissinger về tay không và thú nhận,

- *“Trong cuộc đời chính trị hơn 15 năm, tôi chưa bao giờ gặp cảnh ngộ như vậy.”* (1)

Sau đó Tướng Alexander Haig, phụ tá Cố vấn An Ninh Quốc Gia được phái qua thuyết phục Tổng thống Thiệu. Ông Thiệu vẫn giữ lập trường không nhượng bộ và đã hỏi lại ông Haig,

- *“Ông là tướng, tôi cũng là tướng. Giả sử có cuộc xâm lăng Nga Sô trên lãnh thổ Hoa Kỳ, nếu có một cuộc ngưng chiến, ông có chấp nhận để quân đội Nga Sô ở lại trên đất Mỹ hay không?”* (2)

Lần thứ 2, Tổng Thống Nixon lại phái ông Kissinger sang Saigon với một lá thư cảm tay cam kết chính phủ Hoa Kỳ sẽ can thiệp mạnh nếu Cộng Sản vi phạm hòa ước. Tin vào lời cam kết của tổng thống của một nước đồng minh siêu cường, cuối cùng Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đồng ý ký kết hiệp định Paris.

Hiệp định Paris được ký kết vào ngày 27/1/73. Không may những biến cố bất lợi khác đối với VNCH dồn dập xảy ra. Quốc Hội Hoa Kỳ thông qua việc cắt giảm viện trợ kinh tế và quân sự; tiếp theo tháng 6/73 không cho sử dụng Không Lực Hoa Kỳ ở VN, Lào, và Kampuchea; tháng 7/73 với đạo luật War Power Act không cho gửi quân đội Hoa Kỳ ra ngoại quốc. Cuối cùng, Tổng Thống Nixon phải từ chức của vì vụ Watergate vào tháng 8/74. Số phận miền Nam coi như đã bị định đoạt. Việc Hoa Kỳ rút chân hoàn toàn khỏi VN đã diễn tiến theo “Road Map”, phải được theo đúng lịch trình. Giờ đây VNCH phải tự chiến đấu bằng chính đôi tay của mình.

Ngược lại với tình hình khó khăn của miền Nam Việt Nam, Cộng Sản Bắc Việt vẫn tiếp tục được khôi Cộng Sản viện trợ hùng hậu kể cả vũ khí và lương thực, để chuẩn bị chiến tranh đánh chiếm miền Nam.

Sau trận mùa Hè Đỏ Lửa 1972, Cộng Sản bị thiệt hại nặng nề và gặp khó khăn về tiếp liệu, vì Hải Quân Hoa Kỳ gài mìn phong tỏa vịnh Bắc Việt và Không lực Hoa Kỳ oanh tạc nặng. Nhưng sau Hiệp định Paris 73, lợi dụng Hiệp Định



Chuẩn Tướng Lê Minh Đảo và Đại Tá Ngô Văn Minh tại Trung Tâm Hành Quân (Trận Xuân Lộc, tháng 4 năm 1975).

Paris, Tướng Cộng Sản Văn Tiến Dũng cùng cố lại tất cả các sư đoàn ở vùng giới tuyến, cũng như trang bị lại tất cả sư đoàn với vũ khí tối tân. CSBV đã xây cất những đường xá mới, thiết lập những ống dẫn dầu để yểm trợ cho công việc tiếp vận vào miền Nam, sửa sang lại đường mòn Hồ Chi Minh, thiết lập những trung tâm huấn luyện, dựng lên những trung tâm sửa chữa, dự trữ đồ tiếp liệu, và thành lập những đơn vị cứu thương, vào đầu 74. Cho đến cuối năm, quân đội Cộng Sản không còn sợ vấn đề tiếp liệu nữa và sẵn sàng tung quân xâm lấn miền Nam Việt Nam.

Lê Duẩn và Lê Đức Thọ thúc giục Tướng CS Văn Tiến Dũng

mở cuộc tấn công miền Nam, nhưng Ủy Ban Quốc Phòng gồm Tướng CS Giáp và Dũng tỏ ra e dè. Trong buổi họp Bộ Chính Trị năm 74, Dũng tiên liệu phải mất nhiều năm để xâm chiếm miền Nam vì sự can thiệp của Không Lực Hoa Kỳ. Trước khi mở cuộc tổng tấn công miền Nam, Văn Tiến Dũng chọn tỉnh Phước Long cách Saigon 40 dặm phía Đông Bắc để đánh giá tình hình quân lực miền Nam. Vào ngày 26/12/74 Dũng cho hỏa lực pháo kích. Sau đó, vào ngày 5/2/75, Dũng tung 2 sư đoàn với Thiết Giáp và Pháo Binh yểm trợ tấn công thị xã. Máy bay B52 không xuất hiện, còn không lực VNCH quá yếu nên Phước Long mất ngày 6/2/75. Thấy Hoa Kỳ không can thiệp, Bộ Chính Trị Cộng Sản chỉ thị cho Văn Tiến Dũng mở cuộc tấn công Ban Mê Thuột.

Chiến lược của Dũng là giương Đông kích Tây, nghĩa là khuấy rối chỗ này, rồi tập trung lực lượng đánh chỗ kia. Dũng cho một đơn vị khuấy rối Pleiku, trong khi tung 3 sư đoàn đánh Ban Mê Thuột. Cuộc tấn công bắt đầu ngày 10/3/75 và Ban Mê Thuột thất thủ ngày 11/3/75. Tình hình chưa đến nỗi bi quan theo một số nhà quân sự ngoại quốc, thì ông Thiệu có những quyết định vội vàng và hoảng sợ, bỏ Pleiku và Kontum để phản công lại Ban Mê Thuột; và bỏ Quảng Trị và Huế để cố thủ Đà Nẵng (3). Đà Nẵng rơi vào tay CS ngày 29/3. Như vậy CS đã chiếm trọn Vùng 1 Chiến thuật, Dũng tiếp tục xua quân chiếm vùng 2 Chiến Thuật. Quân đội VNCH sụp đổ nhanh chóng.

Ngày 25/3 Bộ Chính Trị Cộng Sản Bắc Việt ra lệnh cho Văn Tiến Dũng chiếm Saigon trước mùa mưa vào giữa tháng 5. Dũng, đề nghị với Bộ Chính Trị gọi chiến dịch này là chiến dịch HCM, tung 16 sư đoàn bộ binh, hàng trăm chiến xa, trọng pháo và hỏa tiễn, súng phòng không vào thành phố Saigon.

Vào đầu tháng 4/75, lực lượng Cộng Sản gồm 18 sư đoàn tiến về Saigon theo 5 mũi dùi với mục đích đánh chiếm thành phố chớp nhoáng để tránh cuộc ác chiến giành từng khu phố. Bất lực, ông Thiệu từ chức trao lại chính quyền cho cụ Trần

Văn Hương và rời VN ngày 21/4 giữa lúc Xuân Lộc, cửa ngõ vào Saigon rơi vào tay Cộng Sản.

Saigon trong những ngày đầu tháng 4/75 bao trùm không khí chiến tranh, thành phố và các vùng phụ cận đầy nghẽn dân chúng di tản từ cao nguyên và các tỉnh miền Trung về. Họ ngơ ngác như những kẻ mất hồn vì gia đình thất lạc, tài sản tiêu tan, hoàn cảnh thật đau thương. Có người lạc vợ hay mất chồng; có người bỏ mạng vì chen lấn, hay chết đói, chết khát trên những tàu cũ kỹ thiếu an toàn di tản từ Đà Nẵng vào Sài Gòn một cách liêu lĩnh. Có người rơi xuống biển hay chết thê thảm khi chiếc tàu kéo theo đứt dây trôi ra biển cả. Giữa lúc đó tin tức thất trận các nơi gởi về hàng ngày khiến dân chúng càng hoang mang. Đồng thời có những tin đồn thất thiệt như chính phủ Hoa Kỳ đang điều đình ngưng chiến, hay phi cơ B52 sẽ xuất hiện vào giờ cuối cùng, hay Trung Cộng đang làm áp lực ở biên giới Bắc Việt để Cộng Sản rút quân, trong khi một số người tìm cách vào sân bay Tân Sơn Nhất để di tản ra ngoại quốc với các kiều dân và nhân viên Hoa Kỳ.

Cụ Trần Văn Hương được mời ra lập chính phủ. Buổi lễ bàn giao được TV Saigon trực tiếp truyền hình. Cụ trông già nua, mái tóc bạc phơ. Giọng run run như khóc, cụ thống thiết kêu gọi dân chúng siết chặt hàng ngũ sau lưng quân đội, và nguyện hy sinh hơi thở cuối cùng của tấm thân già để phục vụ đất nước. Bài phát biểu của cụ chẳng mang lại được chút hy vọng nào cho mọi người.

Tình hình Saigon càng nguy ngập hơn, các trục lộ nối liền với Tây Ninh, Vũng Tàu, và Cần Thơ đều bị cắt đứt.

Được non một tuần cụ Trần Văn Hương nhường lại cho Tướng Dương Văn Minh vào ngày 28/4 để điều đình ngưng bắn với Cộng Sản. Trong khi đó một phi đội phản lực Cộng Sản, gồm 5 chiếc A37S tịch thu được của Không Lực VNCH, dội bom xuống phi trường Tân Sơn Nhất phá tan kế hoạch di tản nhân viên Hoa Kỳ bằng không vận. Siết chặt vòng vây

Saigon, sáng 29/4 Cộng Sản bắt đầu pháo kích hỏa tiễn 220 ly vào trung tâm thành phố. Tiếng đạn nổ rền trời, một quả rơi xuống xóm Bùi Viện gây nên một đám cháy lớn, một quả khác rơi xuống sân chùa Chà cuối đường Lê Thánh Tôn khiến cả khu phố rung rinh. May không gây thiệt hại gì cả.

Sáng 30/4/75, Tướng Dương Văn Minh tuyên bố trên đài phát thanh Saigon lúc 10:15 giờ trao chính quyền lại cho Cộng Sản để tránh đổ máu.

Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam di tản từ Đà Lạt về đồn trú ở căn cứ Long Thành trên đường đi Vũng Tàu. Sinh viên sĩ quan hai Khóa 30 và 31 vẫn hiện diện gần như đầy đủ, nhưng Bộ Chỉ Huy hầu như không còn hoạt động. Như rắn mất đầu, chúng tôi không biết phải làm gì, ngoài việc ngồi chờ mệnh lệnh. Tôi về Saigon thăm gia đình, và khi trở lại đơn vị thì trực lộ Saigon-Vũng Tàu bị cắt đứt nên tôi bị kẹt ở Saigon.

Đứng trên sân thượng ngôi nhà ở phố Nguyễn Phi gần chùa Chà, tôi nghe tiếng chiếc trực thăng cuối cùng rời tòa Đại Sứ Hoa Kỳ Sài Gòn vào chiều ngày 29 tháng 4. Tôi sửng sờ không ngờ Saigon mất quá đột ngột và cảm thấy như kẻ bị bỏ rơi trên hoang đảo. Saigon đã bị cắt đứt với thế giới bên ngoài. Sáng hôm 30 tháng 4 khi nghe tiếng xe tăng của quân đội Cộng Sản chạy vào thành phố, tôi run người lên. Trước viễn ảnh một cuộc tắm máu ở Saigon như ở Phnom Penh, tôi lấy kéo cắt vụn tấm thẻ căn cước sĩ quan bọc nhựa và thủ tiêu những tấm hình mặc quân phục với hy vọng ngày ngộ có thể tẩy xóa cuộc đời lính của mình. Suốt mấy ngày tôi không dám ra đường, lòng lo sợ như người mất hồn. Tôi nghĩ thầm, khi cuộc chiến tranh tàn phe Quốc Gia bại trận chắc chắn phải chịu những trừng phạt và trả thù không lường được của phe Cộng Sản. Tôi đang thất thõm chờ đợi một hình phạt mà không biết xảy ra khi nào.

Một tháng sau, tôi cũng như tất cả cán bộ quân dân chính đi trình diện “học tập”. Tôi trình diện ở trường Gia Long. Nghe đi học tập vợ tôi tưởng như đi học chính trị nên vẫn đi thăm bà

ngoại đau nặng ở Nha Trang. Tôi mang theo mùng mền, hai bộ áo quần, bàn chải, kem đánh răng, chén đũa và tiền ăn tiêu trong 10 ngày như được thông báo. Tôi bớt lo sợ vì thấy trước đó binh sĩ chỉ đi học ba ngày tại phường, rồi được về nhà.

Tôi hôn 3 đứa con và nói các con hãy ngoan ngoãn, ba sẽ về cuối tháng. Chiếc xe Lam đỏ xuống trước chùa Xá Lợi trên đường Bà Huyện Thanh Quan, tôi xuống xe và bước trên lề đường đến trường Gia Long, người trình diện đi tùm năm, tùm ba trông giống như thí sinh đi thi tú tài, nhưng một điều không giống là thay vì cầm bút mực thì người nào người nấy đều cầm một cái xách tay hay mang một cái sắc trên vai.

Tôi đứng nối hàng trước chiếc cửa hông trường Gia Long. Một tên bộ đội thân nhận giấy trình diện, hễ ai nộp giấy tức là cửa ngục khép lại. Ai dại dột đến hỏi dù không phải là hạng đi học tập là tự nộp mình một cách oan uổng. Có tiếng chào,

- “Thầy Hiện! Thầy cũng trình diện ở trung tâm này?”

Tôi thấy mặt quen, nhưng không nhớ gặp ở đâu. Sau này ở cùng một tổ mới biết đó là anh Nghĩa, Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Khóa 23.

Ban đêm chúng tôi đâu bàn lại làm giường ngủ. Tôi đang loay hoay treo chiếc mùng ngăn cũn cởn thì một người bên cạnh nói,

- “Chiếc mùng của tôi rộng, anh cùng ngủ với tôi, anh khỏi treo.”

Thì ra đây là tình huynh đệ đùm bọc lẫn nhau.

Suốt ba ngày, chúng tôi hết chờ ăn lại ngủ mà chẳng thấy động tĩnh gì cả. Đến tối cuối, tất cả chúng tôi được gọi ra sân tập hợp và được lừa lên những chiếc xe Zil đã đậu sẵn từ khi nào không hay trên đường Phan Thanh Giảng. Mỗi xe khoảng 40 người. Chiếc Zil nhỏ hơn chiếc GMC, nên chúng tôi phải đứng chen nhau, dẫm chân lên hành lý phải bỏ xuống sàn, trước khi mui xe được buông xuống. Đoàn xe chạy theo

đường Phan Thanh Giảng, rồi biến mất trong đêm chẳng biết phương hướng nào. Xe bị bùng chạt chội, vì số người quá đông. Người thì kiễng chân, một tay níu trần xe; có người mỗi chân nằm liềm trên đồng hành lý; có người buông mình mặc cho người khác xô đẩy. Không khí ngột ngạt, thỉnh thoảng có tiếng người văng tục...

Xe chạy suốt đêm. Tôi chớp mắt khi nào không hay vì mệt mỏi và thời tiết nóng nực. Khi nghe tiếng ồn huyền não tôi choàng tỉnh, thì hay đã đến nơi. Mui xe được vén lên, và mọi người nhảy xuống. Có người đi loạng choạng, có người tê chân ngồi một chốc mới đi được. Vì trời tối, tôi chẳng biết đây là chỗ nào. Tôi thoáng nghe được tiếng nói nhỏ,

- Đây là căn cứ của Sư Đoàn 25 ở Trảng Lớn, Tây Ninh.

Trảng Lớn! Đây là chặng đầu trong chuỗi đảo “học tập”, của tháng ngày tù đầy đau khổ không thể nào quên.

Chú Thích:

1. *Kissinger, Walter Isaacson, Simon & Schuster., New York, 1992.*

2. *Ibid.*

3. *“Vitory At Any Cost”, Cecil B Currey, Aurum Press Limited, 1997.*